

Bản Chi tiết sản phẩm
 Ngày phát hành 30/11/2009
 Mã số no 8.1.024
 Hiệu đính lần 00
 Sikafloor® 264

Sikafloor® 264

Hệ thống sơn lót và sơn phủ hoàn thiện Epoxy 2 thành phần

Mô tả	Sikafloor® 264 là nhựa Epoxy có màu 2 thành phần, không dung môi và kinh tế	
Các ứng dụng	Lớp sơn lót cho sàn bê tông và lớp vữa trát chịu tải trọng từ vừa đến cao như nhà kho, hội trường, nhà xưởng, gara, đường có mái dốc. . . Lớp sơn hoàn thiện cho hệ thống sàn nhám	
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none"> ■ Kháng hóa chất và va đập cao ■ Dễ thi công ■ Tiết kiệm ■ Không cho các chất lỏng thấm xuyên qua ■ Không có dung môi ■ Bề mặt hoàn thiện bóng láng ■ Có khả năng chống trượt 	
Thông tin về sản phẩm		
Màu	Nhựa: thành phần A, dạng lỏng sệt có màu. Tác nhân đóng rắn: thành phần B, dạng lỏng trong suốt 5 màu bóng chuẩn : Ral 7030, Ral 7032, Ral 7035, Ral 7037, Ral 7040. Dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp màu sắc có thể thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến các tính năng của lớp phủ	
Đóng gói	Bộ 20 kg (thành phần A +B) Thành phần A: 15.8kg/can Thành phần B: 4.2kg/can	
Lưu trữ		
Thời hạn sử dụng	Hạn sử dụng là 12 tháng nếu lưu trữ trong điều kiện bao bì còn nguyên vẹn, chưa mở nắp, và ở nhiệt độ từ 18°C – 30°C	
Thông số kỹ thuật		
Gốc hoá học	Epoxy	
Tỷ trọng	Thành phần A: ~ 1.64 kg/l Thành phần B: ~ 1.0 kg/l Hỗn hợp nhựa : ~1.40 kg/l Tất cả các giá trị tỷ trọng đo ở nhiệt độ 23°C Hàm lượng chất rắn: 100%	
Đặc tính cơ lý		
Lực chịu nén	~60 N/mm ² (28 ngày và 23°C)	(EN196-1)
Lực chịu uốn	~30 N/mm ² (28 ngày và 23°C)	(EN196-1)
Lực bám dính	> 1.5 N/mm ² (Bê tông bị vỡ)	(ISO4624)
Độ cứng Shore D	76 (7 ngày và 23°C)	(DIN53 505)
Khả năng kháng mài mòn	70 mg (CS10/1000/1000) (8 ngày ở 23°C)	(DIN53-109)



Tính kháng

Kháng hóa chất

Kháng nhiều loại hóa chất, tham khảo bản chi tiết kháng hóa chất

Kháng nhiệt

Thời gian	Nhiệt khô
Lâu dài	50°C
7 ngày	80°C
12 giờ	100°C

Thỉnh thoảng tiếp xúc nhiệt ẩm có thể chịu được đến 80°C
Không tiếp xúc trực tiếp đồng thời hóa học và cơ học

Thông tin hệ thống

Cấu trúc hệ thống

Lớp sơn phủ:

Lớp kết kết nối : 1 x Sikafloor® 161

Lớp phủ : 2 x Sikafloor® 264

Chú ý: đối với bề mặt bê tông tươi và khô bình thường thì việc thi công Sikafloor® 161 là không cần thiết

Hệ thống nhám 4mm:

Lớp kết nối : Sikafloor® 161

Lớp thứ nhất: Sikafloor® 263 SL+ Quartz sand (0.1 – 0.3mm)

Lớp tạo nhám: Quartz sand (0.4 – 0.7mm)

Lớp phủ hoàn thiện: Sikafloor® 264

Phương pháp thi công

Định mức và tỉ lệ trộn

Hệ thống phủ	Sản phẩm	Định mức
Lớp kết nối	Sikafloor® 161	0.3 – 0.55kg/m ²
Tự san phẳng 1mm	Vữa tự san phẳng Sikafloor® 161	Tham khảo tài liệu kỹ thuật Sikafloor® 161
Lớp phủ tự san phẳng 1.5 – 3.0mm	Sikafloor® 263 SL + QS (0.1 – 0.3mm)	(0.95 + 0.95kg)/m ²
Lớp sơn phủ	2 x Sikafloor®-264 HC	0.25 – 0.3 kg/m ² cho mỗi lớp
Hệ thống nhám 4mm	Sikafloor® 263 SL + QS (0.1 – 0.3mm)=1:1 QS 0.4 – 0.7mm Lớp phủ Sikafloor® 264	2.0kg/m ² 2.0kg/m ² ~ 6.0kg/m ² ~ 0.7kg/m ²

Chú ý: Số liệu trên có tính lý thuyết và không hoàn toàn chính xác, nó phụ thuộc vào độ nghiêng, độ gập ghềnh của bề mặt và sự hao hụt trong thi công.

Chất lượng bề mặt

Bề mặt bê tông phải đặc chắc và cường độ tối thiểu phải là 25 N/mm² với lực búa dín là 1.5N/mm²

Bề mặt phải sạch, khô ráo, không dính dầu mỡ, các vết bẩn và lớp phủ cũ phải được làm sạch

Nên làm thử một diện tích nhỏ để kiểm tra trước khi thi công!

Chuẩn bị bề mặt

Bề mặt bê tông cần phải được làm nhám bằng máy làm nhám hoặc dụng cụ tương tự để làm sạch bề mặt

Mẫu bê tông lỏng lẻo cần phải loại bỏ, các lỗ rỗng bề mặt phải được trám trét kỹ

Có thể dùng Sikafloor®, Sikadur® hoặc Sikagard® để sửa chữa bề mặt bê tông

Bề mặt bê tông hay vữa cement phải đạt được độ bằng phẳng

Các điểm cộm lên phải được mài bằng

Tất cả bụi bặm phải được làm sạch ngay trước khi thi công sản phẩm

Điều kiện và giới hạn thi công

Nhiệt độ bề mặt

+10°C – 30°C

Nhiệt độ môi trường

+10°C – 30°C

Độ ẩm bề mặt	< 4% (Thử bằng dụng cụ đo của Sika hoặc phương pháp sấy)
Độ ẩm môi trường	Cao nhất là 80%
Điểm sương	Nhiệt độ bề mặt phải cao hơn điểm sương 3°C để tránh rủi ro sự ngưng tụ hay dộp của bề mặt khi hoàn thiện

Hướng dẫn thi công

Tỉ lệ trộn	Thành phần A : thành phần B = 79 : 21
Thời gian trộn	<p>Trước khi trộn, khuấy đều thành phần A. Khi cho hết thành phần B vào thành phần A tiếp tục trộn trong 2 phút cho đến khi đều màu</p> <p>Để đạt được hỗn hợp đều thì nên cho vào một thùng khác để trộn</p> <p>Nếu trộn lâu nên hạn chế bọt khí cuốn vào trong quá trình trộn</p>
Dụng cụ trộn	Sikafloor® 264 được trộn bằng cần trộn tốc độ thấp (300 – 400 vòng/phút) hoặc dụng cụ trộn chuyên dùng
Phương pháp thi công	<p>Trước khi thi công phải chắc chắn rằng độ ẩm bề mặt và điểm sương phải đạt yêu cầu</p> <p>Nếu độ ẩm lớn hơn 4% có thể dùng Sikafloor® Epocem® như là hệ thống ngăn ẩm</p> <p><i>Làm phẳng bề mặt:</i></p> <p>Trước hết bề mặt sàn phải phẳng, nên dùng vữa Sikafloor® 161 tự san phẳng để làm phẳng sàn</p> <p><i>Lớp phủ:</i></p> <p>Sikafloor® 264 là sản phẩm dùng làm lớp phủ hoàn thiện, có thể dùng con lăn dầu để thi công</p> <p><i>Lớp trám:</i></p> <p>Lớp trám có thể được thi công bằng thanh gạt cao su và sau đó lăn lại bằng con lăn dầu</p>
Vệ sinh dụng cụ	<p>Rửa dụng cụ và thiết bị ngay lập tức bằng Thinner C</p> <p>Khi sản phẩm đã đông rắn thì phải dùng biện pháp cơ học để vệ sinh</p>

Thời gian cho phép thi công	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhiệt độ</th> <th>Thời gian</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>10°C</td> <td>~ 50 phút</td> </tr> <tr> <td>20°C</td> <td>~ 25 phút</td> </tr> <tr> <td>30°C</td> <td>~ 15 phút</td> </tr> </tbody> </table>	Nhiệt độ	Thời gian	10°C	~ 50 phút	20°C	~ 25 phút	30°C	~ 15 phút
Nhiệt độ	Thời gian								
10°C	~ 50 phút								
20°C	~ 25 phút								
30°C	~ 15 phút								

Thời gian chờ Trước khi thi công Sikafloor® 264 trên Sikafloor® 161 như sau

Nhiệt độ sàn	Thời gian tối thiểu	Thời gian tối đa
10°C	24 giờ	3 ngày
20°C	12 giờ	2 ngày
30°C	8 giờ	1 ngày

Trước khi thi công Sikafloor® 264 trên Sikafloor® 263 SL như sau

Nhiệt độ sàn	Thời gian tối thiểu	Thời gian tối đa
10°C	30 giờ	3 ngày
20°C	24 giờ	2 ngày
30°C	16 giờ	1 ngày

Thời gian chỉ có tính tương đối và có thể thay đổi phụ thuộc vào nhiệt độ và độ ẩm môi trường

Chú ý khi thi công

Không được thi công Sikafloor® 264 trên bề mặt có độ ẩm tăng

Không thay thế lớp kết nối

Thi công Sikafloor® 264 cần phải ngăn chặn độ ẩm, ngưng tụ hơi nước và nước trong 24 giờ

Làm phẳng các khu vực trũng trên bề mặt bằng lớp lót

Những khu vực mà bề mặt bê tông nhám hoặc tro cát thì việc dùng Sikafloor® 161 cho hệ thống sàn nhám là không cần thiết

Lớp sơn phủ

Sẽ không được thi công nếu mặt sàn không phẳng và có bụi bám toàn bộ bề mặt đang thi công và vùng lân cận phải luôn được vệ sinh sạch sẽ

Dụng cụ

Giới thiệu một số địa chỉ có bán dụng cụ

PPW-Polyplan-Werkzeuge GmbH, Phone: +49 40/5597260, www.polyplan.com.

Serrated trowel for smooth wearing layer:

e.g. Large-Surface Scrapper No. 565, Toothed blades No. 25

Serrated trowel for textured wearing layer:

e.g. Trowel No. 999 or Adhesive Spreader No.777, Toothed blades No. 23

Để đánh giá và xử lý đúng những vết nứt có thể hướng dẫn thời gian bảo dưỡng

Để màu của sàn sau khi hoàn thiện có màu đồng nhất thì nên dùng cùng một lô Sikafloor® 264 cho cùng một khu vực

Trong một vài trường hợp nhiệt độ nóng của sàn kết hợp với sự hấp thụ nhiệt từ bên ngoài sẽ làm xuất hiện "vết nhăn" trên bề mặt sàn

Nếu nhiệt độ yêu cầu thì không được sử dụng ga, parafin, dầu, nhiên liệu vì chúng sẽ sản sinh ra một lượng lớn hỗn hợp khí CO₂ và hơi nước lơ lửng, điều đó có ảnh hưởng bất lợi cho việc hoàn thiện. Để gia nhiệt nên sử dụng nguồn khí ấm từ điện năng

Thời gian bảo dưỡng

Thời gian chờ sau khi thi công

Nhiệt độ	Chịu tải nhẹ	Chịu tải vừa	Chịu tải
+10°C	~ 72 giờ	~ 6 ngày	~ 10 ngày
+20°C	~ 24 giờ	~ 4 ngày	~ 7 ngày
+30°C	~ 18 giờ	~ 2 ngày	~ 5 ngày

Thời gian mang tính tương đối và phụ thuộc vào điều kiện môi trường.

Vệ sinh / bảo dưỡng

Phương pháp

Để giữ gìn bề mặt sàn sau khi thi công, các mẫu Sikafloor® 264 SL bị rơi vãi phải được lau sạch ngay lập tức và phải dùng máy đánh bóng mềm để làm sạch cơ học, làm sạch bằng phương pháp ướt, phương pháp chà mạnh, vệ sinh bằng kỹ thuật rửa chân không, sử dụng chất tẩy rửa thích hợp và sáp ong

Thông tin về sức khỏe và An toàn

Sức khỏe và An toàn

Để biết thông tin và tư vấn về hướng dẫn an toàn, bảo quản và thải bỏ của sản phẩm hóa chất, người sử dụng phải cần tham khảo tài liệu an toàn sản phẩm mới nhất bao gồm dữ liệu lý tính, sinh thái, tính độc hại và các dữ liệu an toàn liên quan khác

Miễn trừ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyển số hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.



Sika Limited (Vietnam)

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1

Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Tel: (84-61) 3560 700 Fax: (84-61) 3560 699

www.sika.com.vn, sikavietnam@vn.sika.com

